



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 36

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (84-61) 3954458 - 3954491

Fax : (84-61) 3954754

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	Ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác và chế biến khoáng sản (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất vật liệu xây dựng (chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật tư kỹ thuật, thiết bị xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển du lịch;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu lao động, chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng (không cho thuê lại lao động, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình dân dụng.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Bà Ngô Thị Việt Hoa	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Trịnh Tiến Bày	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2015

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Xuân Long	Trưởng ban	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Công Hạnh	Thành viên	Ngày 20 tháng 4 năm 2012

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Tiến Bày	Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 7 năm 2014

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trịnh Tiến Bày – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2014).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.





# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

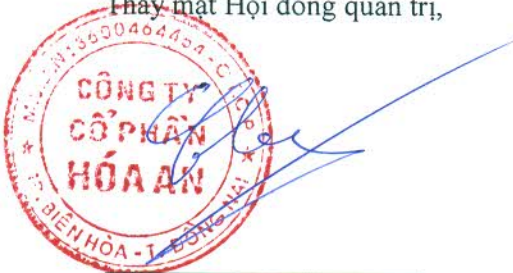
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Đình Lê Chiến**  
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 8 năm 2016





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0777/2016/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 7 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Minh Trí  
Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>158.189.231.721</b>	<b>139.844.077.777</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>70.371.408.681</b>	<b>73.530.385.391</b>
1. Tiền	111		8.871.408.681	16.030.385.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.500.000.000	57.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18.253.085.222</b>	<b>13.253.085.222</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.253.085.222	3.253.085.222
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	15.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.532.799.628</b>	<b>42.782.451.751</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.596.620.228	27.898.239.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.803.605.179	8.366.871.007
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.354.645.123	2.437.145.123
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	12.463.646.735	9.845.913.790
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.685.717.637)	(5.765.717.637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>223.309.156</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	977.991.951	1.277.166.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(977.991.951)	(1.053.857.736)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.031.938.190</b>	<b>10.054.846.257</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.445.454	95.442.951
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		388.311.054	196.574.403
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	16.595.181.682	9.762.828.903
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

3301  
**CỔ**  
**CHIA**  
**1 TO**  
**A**  
**VH-**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.086.328.277</b>	<b>231.060.660.532</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.237.719.727</b>	<b>6.967.936.727</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2.250.000.000	2.550.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.987.719.727	4.417.936.727
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117.912.941.519</b>	<b>127.352.036.203</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31.661.465.778	32.703.438.893
- Nguyên giá	222		75.154.414.718	80.743.833.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.492.948.940)	(48.040.394.574)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	86.251.475.741	94.648.597.310
- Nguyên giá	228		119.976.318.521	125.343.457.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.724.842.780)	(30.694.860.177)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.134.852.905</b>	<b>13.849.179.939</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	17.134.852.905	13.849.179.939
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>46.758.462.385</b>	<b>46.898.462.385</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	8.459.840.000	8.459.840.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	47.787.735.900	47.787.735.900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(9.489.113.515)	(9.349.113.515)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.042.351.741</b>	<b>35.993.045.278</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	42.023.251.741	35.973.945.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		19.100.000	19.100.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>389.275.559.998</b>	<b>370.904.738.309</b>

4496

NG

HIỆM T

AN VÀ

&amp;

T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.755.999.297</b>	<b>45.137.234.101</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.176.318.097</b>	<b>42.760.904.570</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.459.966.027	4.746.819.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	27.335.938.161	23.635.576.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.866.574.572	7.341.134.556
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2.497.001.611	5.387.157.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	425.219.784	774.225.513
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	15.264.606.516	150.306.186
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	268.807.594	268.807.594
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.058.203.832	456.877.603
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.579.681.200</b>	<b>2.376.329.531</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	2.579.681.200	2.376.329.531
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-C  
 TỶ  
 DƯ H  
 TỬ V  
 C  
 50%



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>329.519.560.701</b>	<b>325.767.504.208</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>329.519.560.701</b>	<b>325.767.504.208</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	151.199.460.000	151.199.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	58.398.416.000	58.398.416.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(1.298.220.000)	(1.298.220.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	88.795.293.116	88.795.293.116
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	32.424.611.585	28.672.555.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.815.524.177	28.672.555.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.609.087.408	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>389.275.559.998</b>	<b>370.904.738.309</b>



Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Trần Sỹ Phúc  
Người lập biểu

Lê Thị Quyết  
Kế toán trưởng



Trịnh Tiến Bảy  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.037.109.778	88.880.717.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.037.109.778	88.880.717.749
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.414.175.793	63.650.888.697
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.622.933.985	25.229.829.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.006.556.021	10.068.126.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	140.143.064	142.283
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	116.319.271	161.597.959
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.384.643.522	4.498.090.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.988.384.149	30.638.125.052
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.911.127.090	-
12. Chi phí khác	32		92.495.832	22.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		2.818.631.258	(22.000.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.807.015.407	30.616.125.052
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.197.927.999	6.366.379.019
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>22.609.087.408</u>	<u>24.249.746.033</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.334</u>	<u>1.430</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.334</u>	<u>1.430</u>

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Trần Sỹ Phúc  
Người lập biểu

Lê Thị Quyết  
Kế toán trưởng

Trịnh Tiến Bảy  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.807.015.407	24.249.746.033
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11	5.310.219.173	6.010.342.447
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8, V.19	187.485.884	(441.629.663)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(6.899.079.862)	(9.993.881.459)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.405.640.602	19.824.577.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.279.057.116)	5.064.662.727
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		299.174.941	668.902.710
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.341.547.870)	(396.515.470)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.002.308.966)	(7.654.926.397)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5.501.494.677)	(4.024.721.009)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.796.491.840)	(1.883.160.011)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.216.084.926)</b>	<b>11.598.819.909</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(1.928.045.455)	(4.660.373.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VI.7; VII	9.600.898.090	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(5.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	282.500.000	525.211.894
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	38.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	4.101.755.581	2.723.871.386
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.057.108.216</b>	<b>21.588.710.098</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(12.049.076.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(12.049.076.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.158.976.710)</b>	<b>21.138.453.207</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>73.530.385.391</b>	<b>21.455.548.750</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>70.371.408.681</b>	<b>42.594.001.957</b>

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Nguyễn Sỹ Phúc  
Người lập biểu

Lê Thị Quyết  
Kế toán trưởng



Trịnh Tiến Bảy  
Tổng Giám đốc

0044  
CÔNG  
H NHIỆ  
TOÁN  
A 8  
H.T.F



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh Công ty là sản xuất các loại đá xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ trước, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/HĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2015. Đây là nhân tố chính làm cho lợi nhuận kỳ này của Công ty giảm so với kỳ trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định Fico có trụ sở chính tại đường số 2B, Khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất các sản phẩm cơ khí sen vôi. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết này là 28,13%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	Áp Thiên Bình, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	Xã Thiệu Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 128 nhân viên).

9815.  
G TY  
HỮU  
TÁ T  
C  
HỒ C

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.





## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kỳ kế toán tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.





## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là các chi phí phát sinh bóc đất tầng phủ, chi phí cho việc mở rộng các mỏ đá và các chi phí khác được phân bổ căn cứ theo thời hạn sử dụng ước tính.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

##### ***Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu***

Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu bao gồm các chi phí đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng tại mỏ đá Suối Trầu. Công ty không tiến hành trích khấu hao đối với phần chi phí này vì toàn bộ đất đai và các tài sản khác liên quan đến mỏ đá Suối Trầu đang nằm trong quy hoạch chờ giải tỏa và sẽ nhận đền bù theo dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có phí phục hồi môi trường. Chi phí này được trích hàng năm dựa trên sản lượng tính thuế tài nguyên.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và





# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.146.577.001	1.488.915.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.724.831.680	14.541.469.891
Các khoản tương đương tiền (*)	61.500.000.000	57.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>70.371.408.681</u></b>	<b><u>73.530.385.391</u></b>

(\*) Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

0449  
ÔNG  
NHIỆM  
DÂN V  
&  
T.P1



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	3.253.085.222	3.253.085.222	-	3.253.085.222	3.253.085.222	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng tổng hợp	3.252.000.000	3.252.000.000	-	3.252.000.000	3.252.000.000	-
Các cổ phiếu khác	1.085.222	1.085.222	-	1.085.222	1.085.222	-
Cộng	3.253.085.222	3.253.085.222	-	3.253.085.222	3.253.085.222	-

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng.

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định Fico <sup>(i)</sup>	8.459.840.000	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(8.459.840.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	47.787.735.900	(1.029.273.515)	47.787.735.900	(889.273.515)
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	33.999.999.900	-	33.999.999.900	-
Công ty Cổ phần ADEC	11.131.736.000	(140.000.000)	11.131.736.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Phú Yên	2.146.000.000	(379.273.515)	2.146.000.000	(379.273.515)
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
Cộng	56.247.575.900	(9.489.113.515)	56.247.575.900	(9.349.113.515)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301146997 ngày 13 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định Fico 8.459.840.000 VND, tương đương 28,13% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định Fico đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2015 của đơn vị này có vốn chủ sở hữu bị âm do khoản lỗ lũy kế đã vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.349.113.515	9.349.113.515
Trích lập dự phòng bổ sung	140.000.000	-
Số cuối kỳ	9.489.113.515	9.349.113.515



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết*

Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên doanh, liên kết.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Vũ Phong	4.438.383.749	4.630.642.156
Công ty Cổ phần Thiên Phát	11.557.690.866	10.353.784.975
Ông Tiết Ngọc Hòa (Chi nhánh Tân Cang 3)	4.464.580.127	4.395.306.140
Ông Trịnh Đình Trọng (Chi nhánh Vĩnh Cửu)	4.199.055.577	3.290.467.615
Các khách hàng khác	4.936.909.909	5.228.038.582
<b>Cộng</b>	<b><u>29.596.620.228</u></b>	<b><u>27.898.239.468</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Vũ Phong	4.763.838.318	5.045.972.172
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Chiến	2.263.746.665	1.341.392.598
Công ty TNHH Kỹ thuật tài nguyên Lợi Lộc	1.334.081.432	-
Đoàn địa chất I - Trung tâm chuyên giao công nghệ và dịch vụ địa chất	1.570.726.687	563.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.871.212.077	1.416.506.237
<b>Cộng</b>	<b><u>13.803.605.179</u></b>	<b><u>8.366.871.007</u></b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Ông Trần Kim Thi vay với lãi suất 01%/tháng	561.056.623	611.056.623
Cho Bà Lê Thị Liên vay với lãi suất 01%/tháng	900.000.000	900.000.000
Cho các cá nhân khác vay	893.588.500	926.088.500
<b>Cộng</b>	<b><u>2.354.645.123</u></b>	<b><u>2.437.145.123</u></b>

##### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH một thành viên đá Thạnh Phú vay với lãi suất 01%/tháng, thời hạn vay 06 năm. Trong kỳ, bên đi vay đã thanh toán tiền gốc vay bằng căn trừ công nợ với số tiền 100.000.000 VND.

#### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>2.871.651.000</b>	-	<b>2.871.651.000</b>	-
Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 -tiền xử lý khoản lỗ tại Xí nghiệp đá Thống Nhất	2.871.651.000	-	2.871.651.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.591.995.735</b>	<b>1.093.347.940</b>	<b>6.976.262.944</b>	<b>1.113.347.940</b>
Tiền lãi của các khoản cho cá nhân, tổ chức vay	3.255.296.375	1.093.347.940	3.386.872.643	1.113.347.940

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	119.562.500		101.789.041	
Tạm ứng	5.434.187.561		1.517.074.788	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	782.949.299		1.968.526.318	
<b>Cộng</b>	<b>12.463.646.735</b>	<b>1.093.347.940</b>	<b>9.845.913.790</b>	<b>1.113.347.940</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Ký quỹ phục hồi môi trường.

**7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		<b>2.871.651.000</b>	<b>2.871.651.000</b>	<b>2.871.651.000</b>	<b>2.871.651.000</b>
Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - tiền xử lý khoản lỗ tại Xí nghiệp đá Thống Nhất	Trên 03 năm	2.871.651.000	2.871.651.000	Trên 03 năm	2.871.651.000
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>8.023.533.967</b>	<b>2.337.816.330</b>	<b>9.260.957.696</b>	<b>3.495.240.059</b>
Công ty TNHH DV - TM Vũ Phong					
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	4.438.383.749	2.219.191.875	Trên 03 năm	4.438.383.749
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác					
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 đến dưới 02 năm	237.248.910	118.624.455	Từ 01 đến dưới 02 năm	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến dưới 03 năm	-	-	Từ 02 đến dưới 03 năm	18.933.000
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	942.291.868	-	Trên 03 năm	1.161.335.507
Phải thu tiền cho vay	Trên 03 năm	1.230.449.123	-	Trên 03 năm	2.437.145.123
Phải thu tiền trả trước người bán	Trên 03 năm	81.812.377	-	Trên 03 năm	91.812.377
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 03 năm	1.093.347.940	-	Trên 03 năm	1.113.347.940
<b>Cộng</b>		<b>10.895.184.967</b>	<b>5.209.467.330</b>	<b>12.132.608.696</b>	<b>6.366.891.059</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.765.717.637	8.388.886.140
Hoàn nhập dự phòng	(80.000.000)	(441.629.663)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.685.717.637</b>	<b>(7.947.256.477)</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	977.991.951	977.991.951	1.053.857.736	1.053.857.736
Thành phẩm	-	-	223.309.156	-
<b>Cộng</b>	<b>977.991.951</b>	<b>977.991.951</b>	<b>1.277.166.892</b>	<b>1.053.857.736</b>

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng sử dụng cuối kỳ là 977.991.951 VND (số đầu năm là 1.053.857.736 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.053.857.736	1.165.614.258
Hoàn nhập dự phòng	(75.865.785)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>977.991.951</b>	<b>1.165.614.258</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bóc đất tầng phủ	-	53.397.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	48.445.454	42.045.451
<b>Cộng</b>	<b>48.445.454</b>	<b>95.442.951</b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bóc đất tầng phủ	27.864.459.929	22.055.342.914
Chi phí làm đường vào mỏ	4.643.427.195	4.304.810.565
Chi phí thiết kế khảo sát	575.284.102	617.897.735
Chi phí thăm dò độ sâu	2.384.196.975	2.548.412.884
Chi phí thuê đất	6.555.883.540	6.447.481.180
<b>Cộng</b>	<b>42.023.251.741</b>	<b>35.973.945.278</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.021.281.227	47.830.902.001	3.683.786.559	207.863.680	80.743.833.467
Mua trong kỳ	-	180.500.000	1.747.545.455	-	1.928.045.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.517.464.204)	-	-	(7.517.464.204)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.021.281.227</b>	<b>40.493.937.797</b>	<b>5.431.332.014</b>	<b>207.863.680</b>	<b>75.154.414.718</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	227.758.498	2.179.357.845	3.683.786.559	207.863.680	6.298.766.582
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.859.237.888	30.289.506.447	3.683.786.559	207.863.680	48.040.394.574
Khấu hao trong kỳ	1.219.295.052	1.012.398.588	48.542.930	-	2.280.236.570
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.827.682.204)	-	-	(6.827.682.204)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.859.237.888</b>	<b>24.474.222.831</b>	<b>3.732.329.489</b>	<b>207.863.680</b>	<b>43.492.948.940</b>

004  
CỘNG  
H NHI  
TOÁN  
A  
VH-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	15.162.043.339	17.541.395.554	-	-	32.703.438.893
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.942.748.287</b>	<b>16.019.714.966</b>	<b>1.699.002.525</b>	-	<b>31.661.465.778</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát mỏ đá sỏi Trầu	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	121.669.124.922	3.674.332.565	125.343.457.487
Chuyển xây dựng cơ bản	(5.367.138.966)	-	(5.367.138.966)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>116.301.985.956</b>	<b>3.674.332.565</b>	<b>119.976.318.521</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	28.464.278.899	2.230.581.278	30.694.860.177
Khấu hao trong kỳ	3.029.982.603	-	3.029.982.603
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.494.261.502</b>	<b>2.230.581.278</b>	<b>33.724.842.780</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	93.204.846.023	1.443.751.287	94.648.597.310
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>84.807.724.454</b>	<b>1.443.751.287</b>	<b>86.251.475.741</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Kết chuyển từ TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Xí nghiệp 1	5.103.998.944	-	-	5.103.998.944
Mỏ đá Núi Gió	409.114.995	-	-	409.114.995
Mỏ đá Tân Cang 3	8.336.066.000	5.367.138.966	(2.081.466.000)	11.621.738.966
<b>Cộng</b>	<b>13.849.179.939</b>	<b>5.367.138.966</b>	<b>(2.081.466.000)</b>	<b>17.134.852.905</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Lâm Quân	378.526.290	534.618.925
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thành Công Phát	362.028.501	316.916.743
Công ty TNHH Đại Thăng Long	432.679.403	690.929.537
Công ty TNHH MTV Đá Thạnh Phú	545.528.700	491.684.705
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất Mỏ Nam Bộ-Micco tại Đồng Nai	760.166.433	972.554.945
Các nhà cung cấp khác	981.036.700	1.740.114.858
<b>Cộng</b>	<b>3.459.966.027</b>	<b>4.746.819.713</b>

1987  
GT  
M H  
VAT  
3 C  
PHC



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	26.499.923.000	20.499.934.000
Các khách hàng khác	836.015.161	3.135.642.291
<b>Cộng</b>	<b>27.335.938.161</b>	<b>23.635.576.291</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.242.647.495	-	4.436.308.971	(4.929.021.468)	749.934.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.252.806.327	-	5.197.927.999	(5.501.494.677)	2.949.239.649	-
Thuế thu nhập cá nhân	106.119.445	-	101.044.063	(186.727.359)	20.436.149	-
Thuế tài nguyên	1.139.980.256	-	4.157.766.361	(4.574.295.784)	723.450.833	-
Tiền thuê đất	-	821.095.972	13.562.063	(13.562.064)	-	821.095.971
Phí bảo vệ môi trường	671.713.796	-	2.313.715.481	(2.489.783.571)	495.645.706	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	927.867.237	8.941.732.931	2.074.872.365	(8.907.225.145)	927.867.237	15.774.085.711
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.341.134.556</b>	<b>9.762.828.903</b>	<b>18.301.197.303</b>	<b>(26.608.110.068)</b>	<b>5.866.574.572</b>	<b>16.595.181.682</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.807.015.407	30.616.125.052
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	366.665.446	22.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	28.173.680.853	30.638.125.052
Thu nhập được miễn thuế	(2.184.040.856)	(1.700.038.600)
Thu nhập tính thuế	25.989.639.997	28.938.086.452
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.197.927.999</b>	<b>6.366.379.019</b>

5-C  
Y  
UHA  
UVÁ  
CH



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức 07%.

Thuế tài nguyên được xác định như sau:

- Chi nhánh Núi Gió: Thuế tài nguyên = sản lượng khai thác x đơn giá x thuế suất. Đơn giá được xác định theo Quyết định số 18/2015/QĐ/UBND ngày 02/7/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Các chi nhánh Vĩnh Cửu và Tân Cang 3: Thuế tài nguyên = sản lượng khai thác x đơn giá x thuế suất. Đơn giá được xác định theo Quyết định số 24/2014/QĐ/UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 03/7/2014 và sản lượng khai thác được quy đổi từ đơn vị tính là tấn sang m<sup>3</sup> theo hệ số quy đổi mà Công ty tự xác định.

## **Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá**

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá được trích lập và nộp theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ về Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xem thuyết minh VII.4).

Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho 02 mỏ đá tại Đồng Nai là mỏ đá Tân Cang 3 và mỏ đá Vĩnh Cửu và nộp theo quyết định của Cục thuế tỉnh Bình Phước cho mỏ đá Núi Gió (tại đây tổng phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chia thành 07 năm thanh toán, bắt đầu từ năm 2014).

Vì sự khác nhau giữa số phát sinh phải nộp và số trích lập dẫn đến phí cấp quyền khai thác khoáng sản có số dư phải thu.

## **Tiền thuê đất**

Công ty nộp theo qui định tại các hợp đồng thuê đất.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16 tháng 10 năm 2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất (ngày 18 tháng 01 năm 2008) đối với diện tích đất thuê để thực hiện dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng công suất 250.000 m<sup>3</sup>/ năm tại mỏ đá Núi Gió, tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 712/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 16 tháng 10 năm 2014 thì Công ty được khấu trừ bồi thường số tiền do nhận chuyển nhượng của hộ gia đình cá nhân vào tiền thuê đất tại mỏ đá Tân Cang 3, thời gian được khấu trừ tiền thuê đất là 43 năm bắt đầu từ năm 2015.

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 711/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 16 tháng 10 năm 2014 thì Công ty được khấu trừ bồi thường số tiền do nhận chuyển nhượng của hộ gia đình cá nhân vào tiền thuê đất tại mỏ đá Thạnh Phú 2, thời gian được khấu trừ tiền thuê đất là 16 năm bắt đầu từ năm 2015.

## **Phí bảo vệ môi trường**

Phí bảo vệ môi trường được trích và nộp theo Nghị định 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ.

## **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**16. Phải trả người lao động**

Quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền điện	91.087.020	95.371.956
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	334.132.764	678.853.557
<b>Cộng</b>	<b>425.219.784</b>	<b>774.225.513</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	64.296.864	30.691.890
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	139.096.652	119.614.296
Cổ tức phải trả	15.061.213.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.264.606.516</b>	<b>150.306.186</b>

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn****19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến phí phục hồi môi trường tại mỏ đá Xí nghiệp 1. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	268.807.594	-
Số kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	-	597.577.594
Số sử dụng	-	(328.770.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>268.807.594</b>	<b>268.807.594</b>

**19b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến phí phục hồi môi trường tại Chi nhánh Tân Cang 3 và Chi nhánh Vĩnh Cửu. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.376.329.531	2.628.810.487
Tăng do trích lập	203.351.669	188.500.300
Số kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-	(597.577.594)
Giảm do chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hóa An Tân Uyên	-	(84.053.856)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.579.681.200</b>	<b>2.135.679.337</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích lập từ			Số cuối kỳ
	Số đầu năm	lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	30.000.000	1.228.526.075	(386.500.000)	872.026.075
Quỹ phúc lợi	-	548.150.000	(30.050.000)	518.100.000
Quỹ phúc lợi xã hội	426.877.603	1.000.000.000	(760.800.000)	666.077.603
Thù lao Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị (*)	(397.999.846)	1.019.141.840	(619.141.840)	2.000.154
<b>Cộng</b>	<b>58.877.757</b>	<b>3.795.817.915</b>	<b>(1.796.491.840)</b>	<b>2.058.203.832</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(\*) Thù lao Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị chi vượt với số tiền 397.999.846 VND được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”.

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	15.167.742.443	312.262.691.559
Lợi nhuận trong kỳ					24.249.746.033	24.249.746.033
Trích lập các quỹ trong kỳ					(3.118.665.643)	(3.118.665.643)
Chia cổ tức					(12.049.076.800)	(12.049.076.800)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>151.199.460.000</b>	<b>58.398.416.000</b>	<b>(1.298.220.000)</b>	<b>88.795.293.116</b>	<b>24.249.746.033</b>	<b>321.344.695.149</b>
Số dư đầu năm nay	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	28.672.555.092	325.767.504.208
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	22.609.087.408	22.609.087.408
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(3.795.817.915)	(3.795.817.915)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.061.213.000)	(15.061.213.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>151.199.460.000</b>	<b>58.398.416.000</b>	<b>(1.298.220.000)</b>	<b>88.795.293.116</b>	<b>32.424.611.585</b>	<b>329.519.560.701</b>

#### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	37.583.430.000	37.583.430.000
Các cổ đông khác	113.616.030.000	113.616.030.000
<b>Cộng</b>	<b>151.199.460.000</b>	<b>151.199.460.000</b>

#### 21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(58.733)	(58.733)
- Cổ phiếu phổ thông	(58.733)	(58.733)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.061.213	15.061.213
- Cổ phiếu phổ thông	15.061.213	15.061.213
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 08/NQĐHCĐ-CtyCPHA ngày 26 tháng 4 năm 2016 như sau:

VND

• Chia cổ tức cho các cổ đông (Trong đó, đã tạm ứng lợi nhuận năm 2015 là 15.061.213.000 VND)	:	30.122.426.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty (Trong đó, đã tạm trích năm 2015 là 1.223.323.925 VND)	:	3.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi xã hội	:	1.000.000.000
• Trích thù lao Hội đồng quản trị và thù lao Ban kiểm soát	:	1.019.141.840

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	90.885.109.778	88.696.899.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	152.000.000	183.818.182
<b>Cộng</b>	<b>91.037.109.778</b>	<b>88.880.717.749</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.490.041.578	63.650.888.697
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.865.785)	-
<b>Cộng</b>	<b>63.414.175.793</b>	<b>63.650.888.697</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.603.249	74.244.968
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.663.737.916	763.410.786
Lãi tiền cho vay	140.174.000	260.422.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.184.040.856	1.700.038.600
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	7.270.010.073
<b>Cộng</b>	<b>4.006.556.021</b>	<b>10.068.126.427</b>

49815  
CÔNG TY  
KIỂM HỨNG  
TÀI CHÍNH VÀ TÀI  
& C  
TP. HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Chi phí hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	140.000.000	-
Chi phí tài chính khác	143.064	142.283
<b>Cộng</b>	<b>140.143.064</b>	<b>142.283</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.319.271	50.070.457
Các chi phí khác	-	111.527.502
<b>Cộng</b>	<b>116.319.271</b>	<b>161.597.959</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.333.677.843	2.242.037.316
Chi phí vật liệu quản lý	16.441.769	10.327.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.644.114	231.365.329
Thuế, phí và lệ phí	88.341.580	106.053.369
Chi phí dự phòng	(50.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.765.044	23.287.836
Các chi phí khác	2.732.773.172	1.885.019.335
<b>Cộng</b>	<b>6.384.643.522</b>	<b>4.498.090.185</b>

#### 7. Thu nhập khác

Khoản lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.609.087.408	24.249.746.033
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.522.181.748)	(2.707.312.895)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	20.086.905.660	21.542.433.138
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.061.213	15.061.213
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.334</b>	<b>1.430</b>

##### 8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.610 VND xuống còn 1.430 VND



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.662.502.385	5.488.233.738
Chi phí nhân công	8.546.925.409	7.778.263.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.310.219.173	6.010.342.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.759.938.963	36.288.874.760
Chi phí khác	13.488.109.285	12.744.862.675
<b>Cộng</b>	<b>69.767.695.215</b>	<b>68.310.576.841</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty đã nhận tiền ứng trước khoản mua một số tài sản cố định trị giá 5.999.989.000 VND.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nợ tiềm tàng

Trong kỳ, Công ty tính thuế tài nguyên theo đơn giá của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai đã ban hành trước đây. Theo quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính thì giá tính thuế tài nguyên là giá cao hơn giữa giá bán đơn vị sản phẩm và giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định. Do đó, trong trường hợp UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá tính thuế tài nguyên mới thì có khả năng Công ty phải nộp thêm thuế tài nguyên cho Nhà nước.

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	537.757.000	252.082.000
Tiền thưởng	300.000.000	131.898.236
Thù lao Hội đồng quản trị	499.141.840	-
<b>Cộng</b>	<b>1.336.898.840</b>	<b>383.980.236</b>

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - cổ đông chiếm 24,86% vốn điều lệ.

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6a.

Công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. **Thông tin về bộ phận**

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác đá.

#### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam (khu vực Miền Đông Nam bộ).

### 4. **Số liệu so sánh**

#### 4a. *Các sai sót*

Công ty trình bày lại các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần ADEC và Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Foodinco vào chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”; đồng thời Công ty cũng trình bày lại số dư Quỹ phúc lợi xã hội và thù lao Hội đồng quản trị vào chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 4b. *Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót*

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế giữa niên độ</b>				
Chứng khoán kinh doanh	121	14.894.821.222	(11.641.736.000)	3.253.085.222
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(510.000.000)	510.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.847.913.944	(2.000.154)	9.845.913.790
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	36.145.999.900	11.641.736.000	47.787.735.900





## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(8.839.113.515)	(510.000.000)	(9.349.113.515)
Phải trả ngắn hạn khác	319	579.183.943	(428.877.757)	150.306.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30.000.000	426.877.603	456.877.603

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 6. Thông tin khác

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ngày 23 tháng 7 năm 2014 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã có Công văn số 2679/STNMT-KS về việc hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Yêu cầu doanh nghiệp hoạt động khoáng sản phải nộp bổ sung hồ sơ chứng minh phần trữ lượng đã khai thác trong thời gian này.

Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận nghĩa vụ đối với khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Trần Sỹ Phúc  
Người lập biểu

Lê Thị Quyết  
Kế toán trưởng

Trịnh Tiến Bầy  
Tổng Giám đốc